

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày 29/12/2023	10,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	24.7%

Hệ số nguy cơ phá sản

Z - score (sản xuất)
2023

3.06

(Ca)

An toàn

Hệ số nguy cơ phá sản

Z'' - score (phi sản xuất)
2023

5.79

(Ca)

An toàn

2023

DT thuần

17.8

tỷ VNĐ

YoY

▲ 4.80

▲ 36.9%

2023

LN sau
thuế

0.49

tỷ VNĐ

2023

ROE

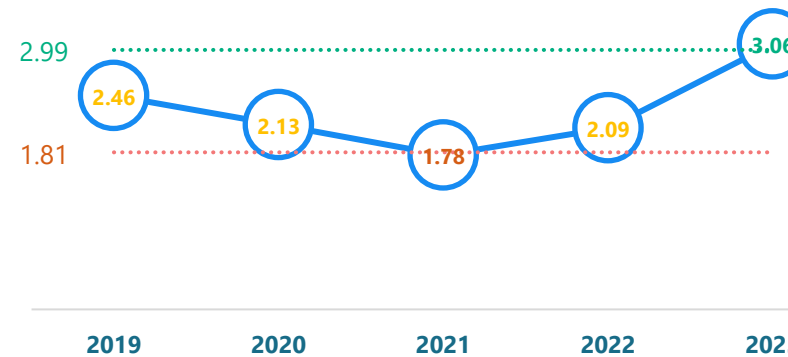
1.5%

2023

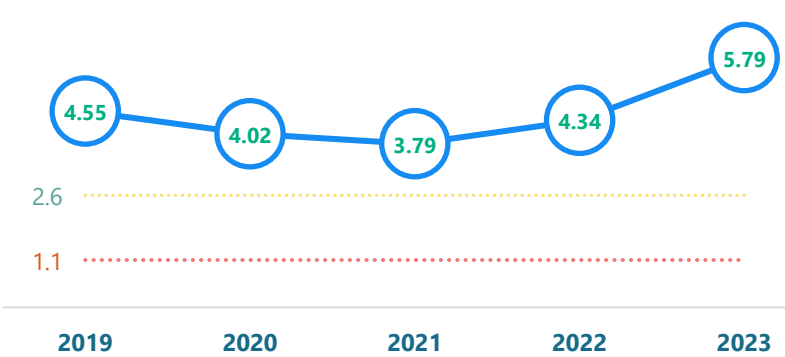
ROA

1.2%

Z - Score



Z'' - Score



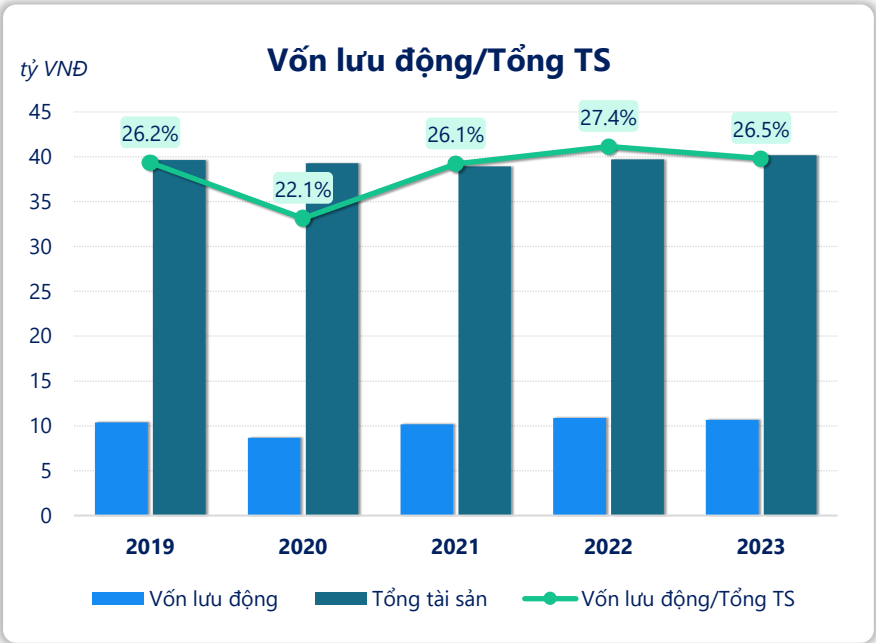
Xét với doanh nghiệp sản xuất: **Z-Score** của **DCH** năm **2023** đạt **3.06**, **cao hơn** so với năm 2022 (2.09). **Z-Score > 2.99**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **DCH** năm **2023** đạt **5.79**, **cao hơn** so với năm 2022 (4.34). **Z''-Score > 2.6**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Kết quả kinh doanh **DCH** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 36.9%** đạt **17.79** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt **0.49** tỷ đồng **giảm 0.74%**.

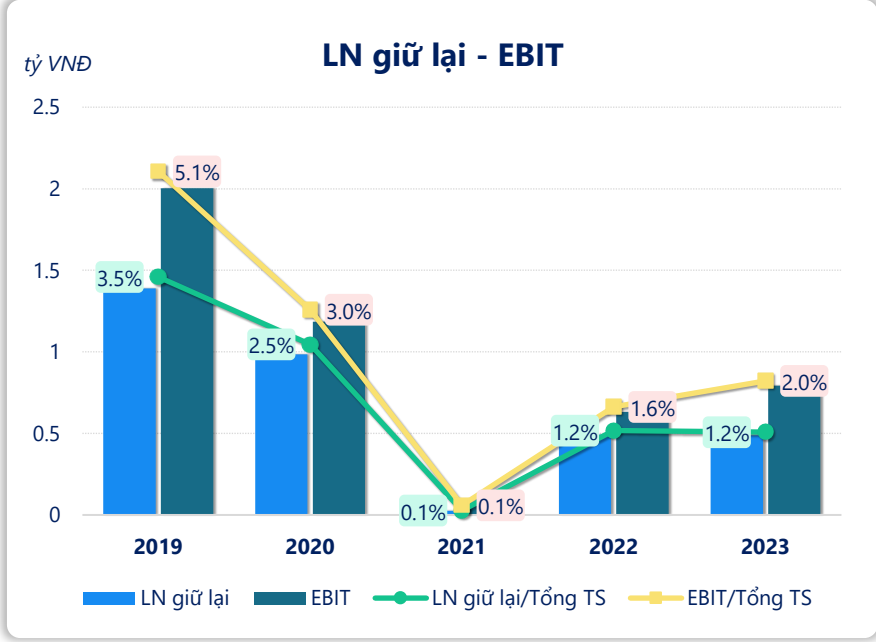
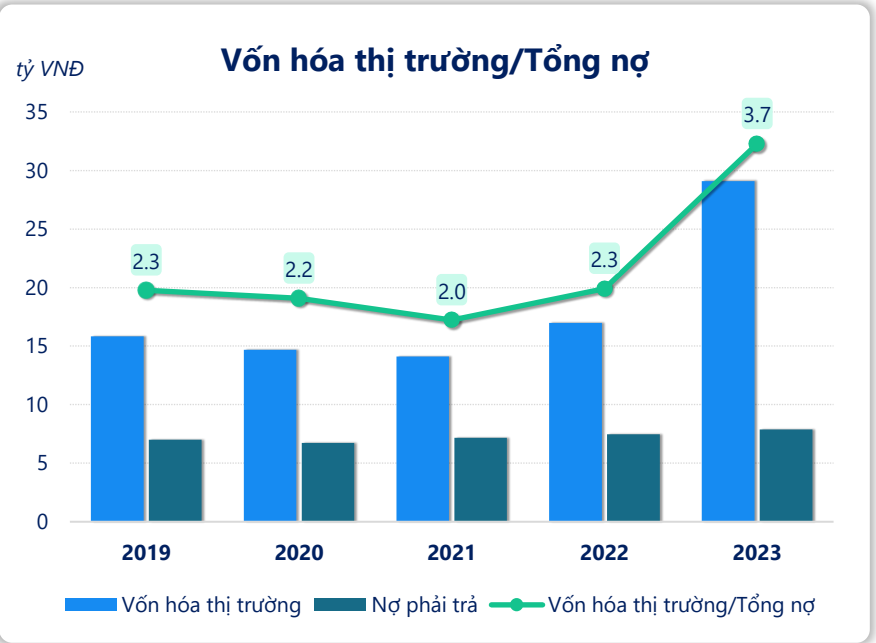
Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.

CTCP Địa chính Hà Nội (UPCOM: DCH)

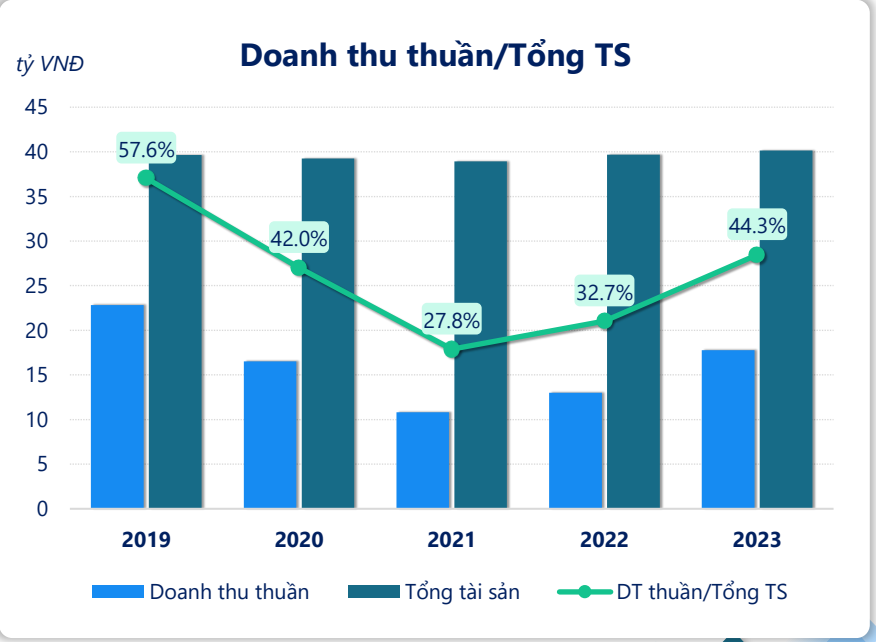


Vốn lưu động > 0 cho thấy mặc dù công ty vẫn có khả năng thanh khoản, tuy nhiên việc vốn lưu động giảm có thể tạo ra áp lực với khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Vốn hóa thị trường/ tổng nợ = 3.69, cho thấy công ty có khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua nợ phải trả. Sự tăng trưởng tỷ lệ này cũng phản ánh sự tin tưởng của thị trường và nhà đầu tư vào triển vọng tương lai của công ty.



Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	40.2	39.7	1.2%
Tài sản ngắn hạn	18.5	18.4	1.0%
Tiền và tương đương tiền	8.81	8.54	3.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	7.96	7.73	3.0%
Hàng tồn kho	0.78	1.09	-28.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	21.6	21.3	1.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	4.91	4.84	1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.2	14.0	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7.89	7.47	5.6%
Nợ ngắn hạn	7.89	7.47	5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.09	0.09	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	32.3	32.2	0.1%
Vốn chủ sở hữu	32.3	32.2	0.1%
Vốn điều lệ	28.8	28.8	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	22.8	16.5	10.8	13.0	17.8
Giá vốn hàng bán	18.1	12.0	7.92	9.83	13.7
Lợi nhuận gộp	4.74	4.51	2.91	3.17	4.06
Doanh thu HĐTC	1.08	0.57	0.38	0.32	0.38
Chi phí TC	0	0.01	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0.01	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.26	1.38	1.10	1.12	1.48
Chi phí QLDN	2.90	2.31	2.06	1.74	2.06
LN thuần từ HĐKD	1.66	1.39	0.14	0.63	0.91
Lợi nhuận khác	0.34	-0.21	-0.08	0.00	-0.11
LN trước thuế	2.00	1.18	0.06	0.63	0.79
Lợi nhuận sau thuế	1.49	0.99	0.03	0.49	0.49
LNST của CĐ cty mẹ	1.49	0.99	0.03	0.49	0.49

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.63	0.69	1.37	-0.15	0.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.08	-1.33	1.38	0.32	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.01	0.14	-1.58	0	-0.29
Tiền đầu kỳ	8.25	7.69	7.20	8.38	8.54
Lưu chuyển tiền thuần	-0.56	-0.50	1.18	0.17	0.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.69	7.20	8.38	8.54	8.81